

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



**QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC HỌC VỤ
DÀNH CHO SINH VIÊN BẬC ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG
HỆ CHÍNH QUY**

ÁP DỤNG TỪ HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2011 - 2012

*(Ban hành kèm theo QĐ số 1294/QĐ-DHCT ngày 27.8.2010
và QĐ số 1905/QĐ-DHCT ngày 19.8.2011
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 20. Đánh giá học phần

1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp thực hành: Điểm học phần được tính từ các điểm thành phần bao gồm: điểm bài tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành, điểm đánh giá nhận thức, điểm tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm đồ án và điểm thi kết thúc học phần. Thi kết thúc học phần là bắt buộc và điểm phải có trọng số không dưới 50%.
2. Học phần thực hành: Điểm học phần được tính bằng điểm trung bình của các bài thực hành.

Hình thức đánh giá học phần, trọng số các điểm thành phần do CBGD đề xuất, khoa/bộ môn phụ trách học phần duyệt và công bố trong đề cương chi tiết học phần.

Điều 21. Điểm học phần

1. Điểm học phần sẽ được công bố và ghi nhận theo hệ điểm chữ A-B-C-D-F. Học phần chỉ được tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên. Các điểm chữ sẽ được quy đổi sang điểm số (*thang điểm 4*) để tính ĐTBCHK và ĐTBCTL. Cách quy đổi được thực hiện theo bảng dưới đây:

Điểm chữ	Điểm số
A	4,0
B+	3,5
B	3,0
C+	2,5
C	2,0
D+	1,5
D	1,0
F	0,0

2. Các điểm học phần khác:

- Điểm M: Dùng để xác nhận học phần SV được miễn học do đã tích lũy được bằng các hình thức khác. Điểm M không được tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL. Để nhận điểm M, SV phải làm đơn có ý kiến của CVHT và nộp cho khoa xem xét theo từng HK, kèm theo giấy tờ hợp lệ.
- Điểm I: Dành cho các trường hợp chưa hoàn thành đầy đủ yêu cầu của học phần (*SV đã dự học, dự các lần kiểm tra giữa HK, đã thực hiện các hoạt động liên quan đến học phần như thí nghiệm, thực hành nhưng vì lý do bất khả kháng như óm đau, tai nạn,... đã vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần và được CBGD phụ trách học phần chấp thuận cho bồi sung điểm*). Điểm I không được tính vào ĐTBCHK ở HK đó. Để nhận được điểm I, SV phải làm đơn kèm theo hồ sơ hợp lệ nộp cho CBGD học phần xem xét và trình lãnh đạo khoa duyệt. Thời hạn bồi sung điểm của học phần do CBGD quy định nhưng không quá 1 năm kể từ ngày thi lần trước. Quá thời hạn trên, nếu SV không hoàn thành thì sẽ bị điểm F.
- Điểm W: Dành cho các học phần mà SV được phép rút theo quy định tại Điều 14. Điểm W không tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL.

Điều 22. Tổ chức thi, số lần thi, vắng thi

1. Đối với các học phần riêng lẻ, CBGD tự sắp xếp để tổ chức thi vào tuần cuối của HK; đối với các học phần có nhiều SV, được giảng dạy nhiều lớp học phần thì sẽ thi theo lịch chung do khoa xếp. Lịch thi kết thúc học phần phải được thông báo tới tất cả SV chậm nhất 1 tuần trước ngày thi đầu tiên của HK.
2. Kỳ thi kết thúc học phần được tổ chức 1 lần.
3. Trong thời gian thi kết thúc học phần nếu SV có lý do chính đáng không thể dự thi, được CHVT và CBGD học phần đó chấp thuận thì sẽ được cho phép vắng thi. SV được phép vắng thi sẽ được hưởng điểm I và phải thi trả nợ trong thời gian sớm nhất theo quy định của CBGD. Nếu không hoàn thành việc trả nợ trong thời gian quy định hoặc việc vắng thi không được chấp nhận thì SV sẽ bị điểm F (xem khoản 2 Điều 21).

Điều 23. Điểm trung bình chung học kỳ (ĐTBCHK), trung bình chung năm học (ĐTBCNH), trung bình chung tích lũy ĐTBCTL)

1. Học phần đã tích lũy: là học phần có kết quả đạt từ điểm D trở lên. Các học phần có điểm F sẽ không được tích lũy.
2. Số TC tích lũy: là tổng số TC của các học phần đã tích lũy.
3. ĐTBCHK: là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà SV đã học trong HK (*kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện*), với trọng số là số TC của các học phần đó. ĐTBCHK là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, xét học bổng, khen thưởng, cảnh báo học vụ sau mỗi HK. ĐTBCHK được tính theo công thức tính như sau:

$$\text{ĐTBCHK} = \frac{\sum_{i=1}^n a_i X_i}{\sum_{i=1}^n a_i}$$

Trong đó: X_i : là điểm học phần thứ i; a_i : là số TC của học phần thứ i;
n: là số học phần SV đăng ký học trong HK.

4. ĐTBCNH: là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà SV đã học trong 2 HK chính (*kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện*).
5. Xếp loại học tập học kỳ và năm học: căn cứ ĐTBCHK, ĐTBCNH SV được xếp loại học tập như sau:

Xếp loại	ĐTBCHK hoặc ĐTBCNH
Xuất sắc	3,60 - 4,00
Giỏi	3,20 - 3,59
Khá	2,50 - 3,19
Trung bình	2,00 - 2,49
Trung bình yếu	1,00 - 1,99
Kém	<1,00

6. ĐTBCTL: là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (*không bao gồm các học phần điều kiện, và các học phần bị điểm F*). Cách tính ĐTBCTL tương tự như tính ĐTBCHK. ĐTBCTL là cơ sở để đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học, xếp hạng học lực, xếp hạng tốt nghiệp, xét học chương trình thứ hai và cảnh báo học vụ sau mỗi HK.

Điều 24. Điểm rèn luyện

1. Mức độ rèn luyện của SV được đánh giá từng HK của hai HK chính và đo lường bằng điểm rèn luyện (ĐRL) được chấm theo thang điểm 100 dựa vào QĐ số 60/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; QĐ số 298/QĐ-ĐHCT và hướng dẫn số 218/HD-ĐHCT của trường ĐHCT. ĐRL cả năm là trung bình cộng của ĐRL hai HK chính. HK hè không tính ĐRL. Mức độ rèn luyện của SV được phân loại dựa vào ĐRL như dưới đây:

* Từ 90 đến 100 điểm	Loại xuất sắc
* Từ 80 đến dưới 90 điểm	Loại tốt
* Từ 70 đến dưới 80 điểm	Loại khá
* Từ 60 đến dưới 70 điểm	Loại trung bình khá
* Từ 50 đến dưới 60 điểm	Loại trung bình
* Từ 30 đến dưới 50 điểm	Loại yếu
* Dưới 30 điểm	Loại kém

- Những SV bị kỷ luật từ mức cảnh cáo của trường trở lên trong HK, thì mức xếp loại không được vượt quá loại trung bình.
- SV không thực hiện bảng đánh giá kết quả rèn luyện hoặc không nộp bảng đánh giá đúng thời gian quy định sẽ bị xếp loại kém ở HK đó.

2. Sử dụng điểm rèn luyện:

- ĐRL toàn khóa học được lưu trong hồ sơ quản lý SV, ghi vào bảng điểm toàn khóa của SV khi ra trường.
- SV bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học sẽ bị đình chỉ học tập một năm ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại kém cả năm lần thứ hai (*trong toàn khóa học*) thì sẽ bị buộc thôi học.
- ĐRL của SV từng HK là tiêu chí để xét học bổng khuyến khích học tập, xếp loại và khen thưởng cuối mỗi năm học.

Điều 25. Xếp loại và khen thưởng

1. Xếp loại:

Các SV học đủ số TC theo quy định (*từ 15 TC trở lên cho mỗi HK*), có tiến độ học tập trong khung thời gian thiết kế CTĐT, không vi phạm kỷ luật từ hình thức khiếu trách của Trường trả lên, đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện sẽ được xếp loại như sau:

- SV xuất sắc: học tập xuất sắc và rèn luyện xuất sắc.
- SV giỏi: học tập từ giỏi trở lên và rèn luyện từ loại tốt trở lên;
- SV khá: học tập từ khá trở lên và rèn luyện từ loại khá trở lên.

2. Khen thưởng:

- SV trúng tuyển vào Trường: SV trúng tuyển vào Trường có điểm cao nhất theo khối thi sẽ được khen thưởng.
- SV tốt nghiệp đúng hoặc sớm hơn thời gian thiết kế của CTĐT:
 - + SV giỏi toàn khóa trả lên sẽ được cấp giấy khen.
 - + SV thủ khoa của ngành/chuyên ngành đào tạo được xếp loại khá toàn khóa trả lên sẽ được cấp giấy khen và phần thưởng.
- Khen thưởng SV cuối mỗi năm học: Trường xét cấp giấy khen và phần thưởng cho mỗi lớp chuyên ngành một SV được xếp loại giỏi trả lên. Trường hợp có cùng ĐTBCNH thì ưu tiên chọn SV có ĐRL cao hơn

3. Định mức khen thưởng do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 26. Quy định về thi và kiểm tra

SV có trách nhiệm chấp hành các quy định về thi và kiểm tra, cụ thể như sau:

1. Thực hiện đúng lịch kiểm tra và thi của trường, của khoa, của bộ môn. Phải có mặt đúng giờ. Nếu đến trễ 15 phút sau khi mở đề SV sẽ không được dự thi và xem như vắng thi không lý do, sẽ nhận điểm F cho học phần đó.
2. Phải mang bảng tên (*hoặc xuất trình giấy tờ khác có ảnh, được đóng dấu giáp lai*) khi vào phòng thi. Tuyệt đối phục tùng sự kiểm

tra, quản lý và hướng dẫn của cán bộ coi thi (CBCT). Túi xách, tài liệu, phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm... phải để tập trung đúng nơi quy định.

3. Không được ra khỏi phòng thi trong thời gian làm bài. Các trường hợp đặc biệt cần cho ra ngoài đều phải lập biên bản.
4. Bài thi phải làm trên giấy thi thống nhất, viết rõ ràng, sạch sẽ. Được sử dụng bút mực hoặc bút bi màu xanh dương, đen hoặc tím; thước kẻ; thước tính; máy tính điện tử không có thẻ nhớ và không soạn thảo được văn bản; giấy nháp có chữ ký của CBCT.
5. Trong giờ thi SV phải im lặng, nghiêm túc làm bài và bảo vệ bài làm của mình, không để người khác chép bài của mình. Nếu có thắc mắc phải hỏi công khai. Nếu ốm đau bất thường phải báo cáo để CBCT giải quyết.
6. Những bài thi sau đây là không hợp lệ và không được chấm điểm:
 - Làm bài trên giấy thi khác với giấy thi quy định;
 - Không có chữ ký của CBCT;
 - Viết bằng bút chì, mực đỏ (*hình vẽ có thể dùng bút chì*);
 - Các bài làm giống nhau;
 - Vẽ bậy, viết bậy trong bài thi;
7. Hết giờ làm bài, SV phải ngừng viết, để bài làm trước mặt và im lặng chờ CBCT thu bài. Khi nộp bài phải ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký tên vào danh sách dự thi.

SV vi phạm các quy định trên đây sẽ bị CBCT lập biên bản. Tùy theo mức độ nặng nhẹ xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 27.

Điều 27. Các hình thức xử lý SV vi phạm quy định về thi và kiểm tra

1. **Khiển trách:** SV phạm 1 trong các lỗi: nhìn bài; trao đổi, thảo luận với người khác. SV bị khiển trách sẽ bị trừ 25% điểm số của lần thi/kiểm tra đó. SV bị khiển trách thi 2 lần trong một năm học sẽ bị kỷ luật cảnh cáo toàn khoa.

2. Cảnh cáo: SV phạm 1 trong các lỗi sau:

- Đã bị khiển trách một lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong một buổi thi;
- Trao đổi giấy nháp cho nhau nhưng chưa sử dụng (*xử lý cả 2 SV*);
- Chép bài của người khác hoặc để cho người khác chép bài của mình;
- Không phục tùng sự quản lý, nhắc nhở của CBCT hoặc có thái độ vô lễ đối với CBCT.

SV bị cảnh cáo sẽ bị trừ 50% điểm số của lần thi/kiểm tra đó. SV bị cảnh cáo thi 2 lần trong một năm học sẽ bị kỷ luật cảnh cáo toàn Trường.

3. Đinh chỉ thi: SV phạm một trong các lỗi sau:

- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong một buổi thi;
- Sau khi mở đề thi bị phát hiện vẫn còn mang theo người (*hoặc nơi ngoài của mình*) những vật dụng không được phép mang theo;
- Sử dụng giấy nháp hoặc bài làm của người khác (*xử lý cả 2 SV*);
- Đưa đề thi ra ngoài nhờ người khác làm hộ hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi;
- Có hành động gây rối hoặc đe dọa CBCT hoặc SV khác.

SV bị đình chỉ thi bị nhận điểm (0) cho lần thi/kiểm tra đó. SV bị đình chỉ thi 2 lần trong một năm học sẽ bị đình chỉ học tập 1 năm sau đó. Nếu tái phạm sẽ bị buộc thôi học.

4. Xử lý thi hộ: áp dụng cho cả người thi hộ và người nhờ thi hộ:

- Vi phạm lần thứ nhất:
 - + Người nhờ thi hộ: nhận điểm (0) học phần đó, đình chỉ học tập 1 năm;
 - + Người thi hộ: đình chỉ học tập 1 năm.
- Vi phạm lần thứ hai (*trong cả khóa học*): buộc thôi học.

Các trường hợp vi phạm khác tùy mức độ nặng nhẹ sẽ do Hội đồng kỷ luật của Trường xử lý.

Điều 28. Thông báo kết quả học tập

- Giảng viên chịu trách nhiệm: trả bài kiểm tra và bài thi tại lớp; nhập điểm học phần vào hệ thống quản lý của trường và in thành hai (02) bản, ký tên, gửi khoa quản lý học phần. Khoa quản lý học phần lưu một (01) bản và gửi về phòng Đào tạo một (01) bản chậm nhất là 10 ngày sau ngày thi của học phần. Khoa quản lý học phần xử lý tất cả khiếu nại liên quan đến kết quả học tập của học phần do khoa quản lý và chỉ thực hiện trong thời gian một tuần kể từ ngày công bố điểm.
- Cuối mỗi HK, Phòng Đào tạo xử lý ĐTBCHK và ĐTBCTL gửi về khoa. Các khoa chịu trách nhiệm thông báo tới SV. Kết thúc khoá học, Phòng Đào tạo cấp bảng điểm toàn khóa cho SV được công nhận tốt nghiệp.
- Trong quá trình học tập, SV có thể đăng ký cấp bảng điểm cá nhân theo nhu cầu riêng. Mức chi phí do Trường quy định.

Điều 29. Xếp hạng năm đào tạo

Xếp hạng đào tạo được xác định dựa vào tổng số TC đã tích lũy, không dựa vào thời gian SV vào trường. Sau mỗi HK, căn cứ vào khối lượng TC tích lũy, SV được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Xếp hạng năm đào tạo	Số TC đã tích lũy (K.35 trở về trước)	Số TC đã tích lũy (từ K.36)
Năm thứ nhất	Dưới 36	Dưới 30
Năm thứ hai	Từ 36 đến 70	Từ 30 đến dưới 60
Năm thứ ba	Từ 71 đến 105	Từ 60 đến dưới 90
Năm thứ tư	Từ 106 đến 140	Từ 90 đến dưới 120
Năm thứ năm	Trên 140	Từ 120 trở lên